

Bản án số: 06/2023/HNGĐ-ST  
Ngày: 17/01/2023  
V/v “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Công Trung  
2. Ông Lê Quang Tiến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 485/2022/TLST - **HNGĐ** ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 175/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Ngọc M, sinh năm 1984 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**- Bị đơn:** Anh Lê Văn H, sinh năm 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2022, trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Lê Văn H cưới nhau vào năm 2007 do tự tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Sau khi cưới hai vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến cuối năm 2021 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do vợ chồng bất hòa, cự cãi với nhau, mâu thuẫn hai vợ chồng ngày càng trầm trọng Chị và anh H đã sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân thì không hàn gắn được với nhau. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Văn H.

- Về con chung: Có 02 con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 13/11/2008 và Lê Phúc H1, sinh ngày 04/11/2019, hiện nay đang sống với chị, khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

- Về nợ chung: Không có.

*Tại bản tự khai ngày 30/12/2022 bị đơn anh Lê Văn H trình bày:*

Anh và chị Võ Thị Ngọc M cưới năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre. Anh và chị Võ Thị Ngọc M có 02 con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 13/11/2008 và Lê Phúc H1, sinh ngày 04/11/2019. Đến năm 2021 thì anh chị xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, gây gổ với nhau. Anh và chị M đã sống ly thân từ năm 2021 đến nay không hàn gắn được với nhau. Nay chị M yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Anh đồng ý để chị M tiếp tục nuôi hai con chung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

*Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm túc quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71; 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ Thị Ngọc M đối với anh Lê Văn H. Về con chung: Giao con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 13/11/2008 và Lê Phúc H1, sinh ngày 04/11/2019 cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị M tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng. Tài sản chung: Tự

thỏa thuận; nợ chung: không có nên đề nghị không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, qua kết quả tranh tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Võ Thị Ngọc M, bị đơn anh Lê Văn H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Võ Thị Ngọc M và anh Lê Văn H cưới nhau vào năm 2007 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre vào ngày 31/01/2008 trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021, thì xảy ra mâu thuẫn với nhau, hôn nhân không còn hạnh phúc. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn, hôn nhân không hạnh phúc do hai bên bất hòa, gây gổ với nhau. Cả chị M và anh H đều thừa nhận hiện nay vợ chồng không còn tình cảm và không hàn gắn được với nhau. Qua đó, đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa chị M và anh H đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, chị M yêu cầu ly hôn với anh H là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân chị M và anh H có 02 con chung tên Lê Ngọc N, sinh ngày 13/11/2008 và Lê Phúc H1, sinh ngày 04/11/2019. Từ khi chị M và anh H sống ly thân thì hai con chung do chị M nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Chị M yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con chung, anh H cũng đồng ý giao hai con chung cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng. Hơn nữa cháu Ngân cũng có nguyện vọng được sống với chị M nếu cha mẹ ly hôn. Do đó, để ổn định tâm lý và sự phát triển bình thường của con chung yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con chung của chị M là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Chị M tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con đây là sự tự nguyện của chị M được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung:* Tự thỏa thuận, nên không xem xét giải quyết.

[5] *Về nợ chung:* Không có, nên không xem xét giải quyết.

[6] Xét quan điểm đề nghị về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri là cùng quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Võ Thị Ngọc M phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 28, 39, 147, 227, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Võ Thị Ngọc M được ly hôn với anh Lê Văn H. Quan hệ hôn nhân theo sổ vào sổ đăng ký kết hôn số 03 ngày 31/01/2008 của Ủy ban nhân dân xã Bảo Thuận, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung Lê Ngọc N, sinh ngày 13/11/2008 và Lê Phúc H, sinh ngày 04/11/2019 cho chị Võ Thị Ngọc M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị M không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Anh Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp anh H lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị M có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Chị Võ Thị Ngọc M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án

phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số 0004295 ngày 08/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Duy Linh**